

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	11,300 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.6%	5.6%	-7.4%

2024			
DT thuần	31.7	YoY	▼ 2.50
	tỷ VNĐ		▼ 7.2%

2024			
LN gộp	13.2	YoY	▼ 0.80
	tỷ VNĐ		▼ 5.9%

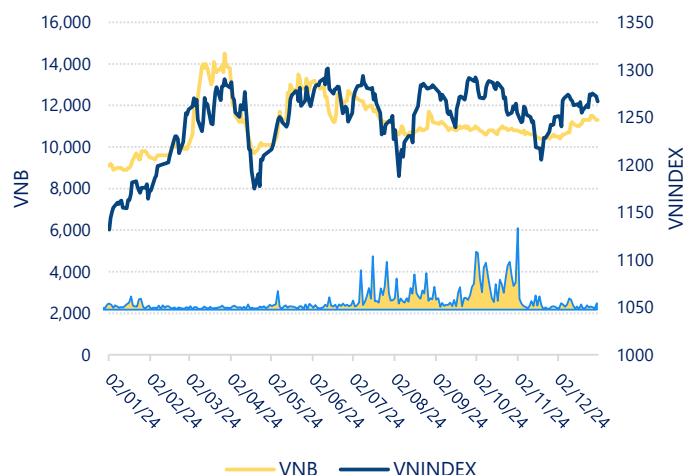
2024			
LN thuần	94.0	YoY	▲ 8.00
	tỷ VNĐ		▲ 9.3%

2024			
LN sau thuế	75.1	YoY	▲ 6.30
	tỷ VNĐ		▲ 9.2%

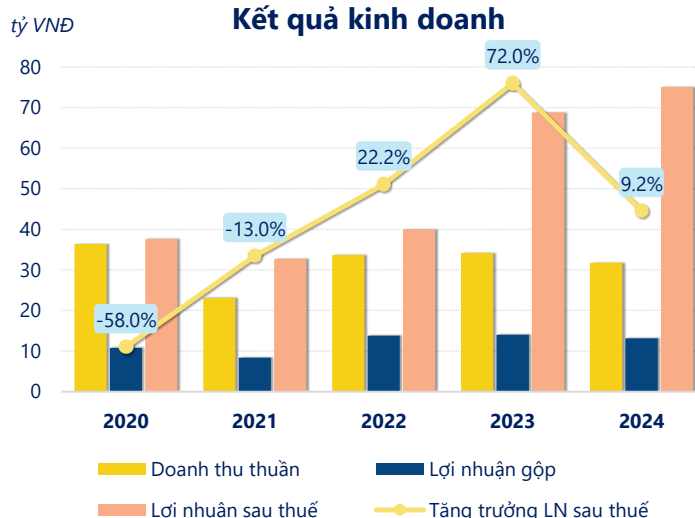
2024			
ROE	7.1%	+/- YoY	▲ 0.1%

2024			
ROA	6.9%	+/- YoY	▲ 0.1%

Lịch sử giá

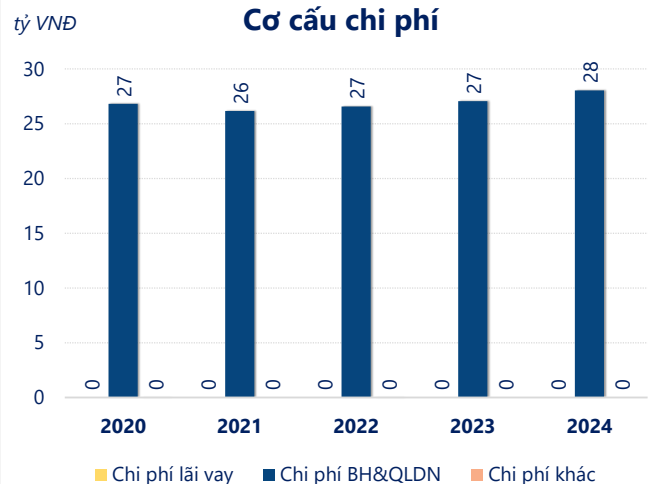
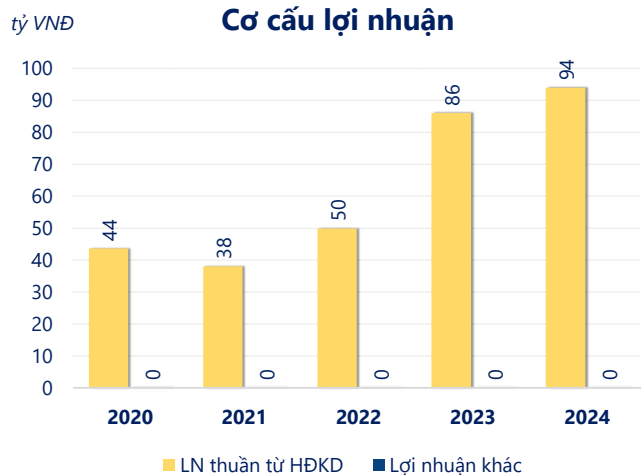


Kết quả kinh doanh



Năm **2024**, **VNB** ghi nhận doanh thu thuần **31.74** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **75.10** tỷ đồng, lần lượt **giảm 7.20%** và **tăng 9.16%** so với năm trước.

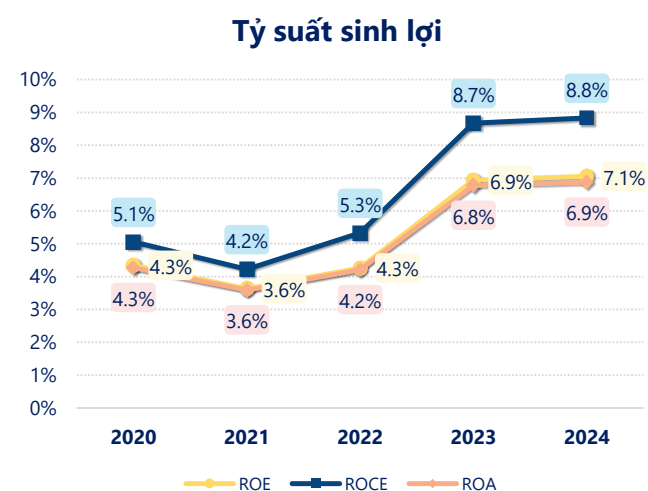
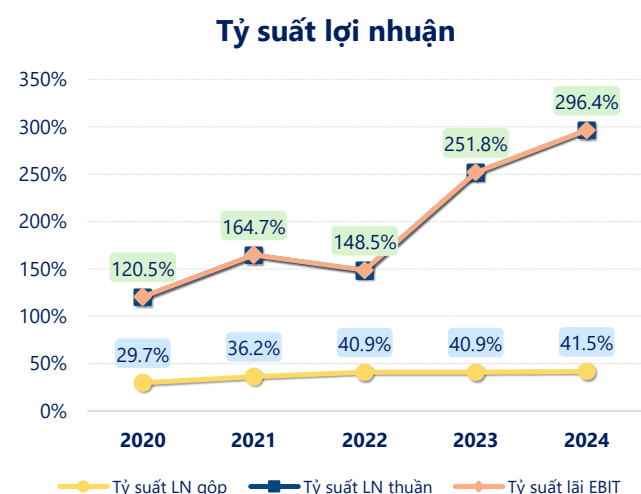
Lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng có thể thấy là kết quả của việc tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả. Tuy nhiên cần cải thiện hiệu quả hoạt động để tạo sự tăng trưởng ổn định.



Năm **2024**, VNB có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **93.97** tỷ đồng, **tăng lên 7.99** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (62.30 tỷ đồng) là 31.68 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên** ở mức **28.03** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác bằng 0.00** tỷ đồng, **không đổi** so với năm trước.

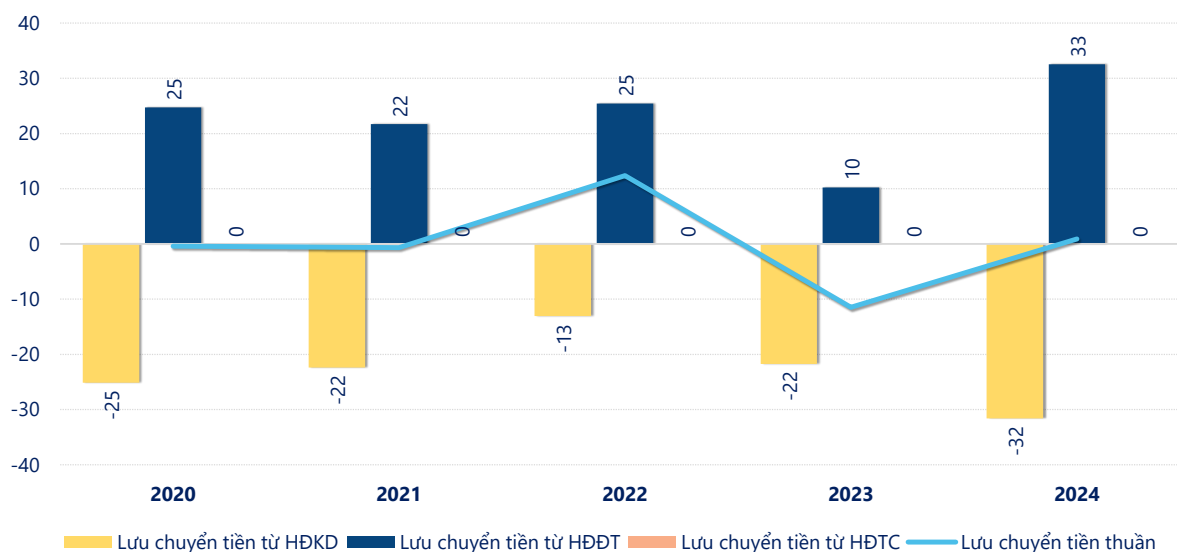
ROE của VNB năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **7.05%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	36.4	23.1	33.7	34.2	31.7
Giá vốn hàng bán	25.6	14.8	19.9	20.2	18.6
Lợi nhuận gộp	10.8	8.37	13.8	14.0	13.2
Doanh thu HĐTC	59.9	55.8	62.7	99.1	109
Chi phí TC	0.27	0.02	0.03	0.08	0.04
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.90	6.06	6.34	5.89	6.12
Chi phí QLDN	20.9	20.1	20.2	21.2	21.9
LN thuần từ HĐKD	43.6	38.0	49.9	86.0	94.0
Lợi nhuận khác	0.21	0.11	0.13	0.14	0.10
LN trước thuế	43.8	38.1	50.0	86.1	94.1
Lợi nhuận sau thuế	37.7	32.7	40.0	68.8	75.1
LNST của CĐ cty mẹ	37.7	32.7	40.0	68.8	75.1

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VNB bằng **0.92** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-11.48 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-31.59** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **32.51** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **0.00** tỷ đồng.